

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HC-ST

Ngày: 21-11-2019

V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Thúy Hà và bà Nguyễn Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 háng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HC ngày 03 tháng 9 năm 2019 về khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HC ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HC ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Minh Đ, sinh năm: 1973 và bà Vũ Thị H, sinh năm: 1976; cùng địa chỉ: Số nhà 77, tổ dân phố 17, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Đ, bà H: Luật sư Lê Đình T, Văn phòng Luật sư C thuộc đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Đức Đ, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn A, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền số 1291/UBND-VP của UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền tham gia tố tụng). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K (Nguyễn Trung K), sinh năm: 1957; địa chỉ: Số nhà 78, tổ dân phố 17, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H trình bày tóm tắt như sau:

Gia đình ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H hiện đang sinh sống trên diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là: UBND) thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) số AH 471797 ngày 01/02/2007, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố số 17, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 290-III-B-d). Thửa đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Trung K (Nguyễn Văn K) từ năm 1993, gia đình ông, bà sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 1994, gia đình ông, bà bị cháy nhà, các giấy tờ liên quan đến thửa đất đều bị cháy hết. Đến năm 2002, vì muốn làm nhà nhưng chưa có giấy tờ nên gia đình ông, bà đã ra Chi Cục thuế làm đơn xin xác nhận lại việc nộp thuế từ ngày 24/6/1994, lấy mốc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/6/1994. Năm 2006, gia đình ông, bà làm hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ và đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AH 471797, số vào sổ H07350/QSDĐ ngày 01/02/2007, gia đình ông, bà đã nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước và trong GCNQSDĐ không ghi nợ nghĩa vụ thuế.

Ngày 07/10/2016 gia đình ông, bà nhận được Kết luận số 1063/KL-UBND ngày 07/10/2016 của UBND thành phố Đ với nội dung thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 đã được UBND thành phố cấp ngày 01/02/2007 cho ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H. Ngày 12/01/2017, UBND thành phố Đ ra Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho Ông Đ, bà H. Vào tháng 09/2017, ông Trần Minh Đ làm đơn khiếu nại lên UBND thành phố Đ. Ngày 11/9/2017 UBND thành phố Đ ra Quyết định số 1337/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) nhưng gia đình ông, bà không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Đ.

Ngày 30/3/2018, UBND thành phố Đ lại ra Thông báo số 08/TB-UBND về việc truy thu nghĩa vụ tài chính cấp GCNQSDĐ. Tháng 6/2018 gia đình ông, bà lại tiếp tục làm đơn khiếu nại lên UBND thành phố Đ và đã được UBND thành phố Đ trả lời tại văn bản số 720/UBND-TNMT ngày 03/7/2018. Ngày 07/8/2018, UBND thành phố Đ ra Thông báo số 21/TB-UBND đề thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông, bà. Đến ngày 21/8/2018, UBND thành phố Đ ra Quyết định số 1257/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 cấp ngày 01/02/2017 cho gia đình Ông Đ, bà H.

Không nhất trí với nội dung trả lời của UBND thành phố Đ và Quyết định số 1257/QĐ-UBND của UBND thành phố Đ ngày 21/8/2018 (sau đây viết tắt là: Quyết định số 1257). Ngày 13/8/2019 ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án với nội dung yêu cầu:

Hủy quyết định số 1257 của UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 do UBND thành phố Đ cấp ngày 01/2/2007 cho ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H.

Lý do yêu cầu hủy: Không đồng ý với Quyết định số 1257 về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 cấp ngày 01/02/2007, không đồng ý với việc truy thu nghĩa vụ tài chính theo Thông báo số 08/TB-UBND (sau đây viết tắt là: Thông báo số 08) ngày 30/3/2018 của UBND thành phố Đ vì đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định hành chính nêu trên. Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Bản sao Quyết định hành chính bị khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

Trong vụ án, không có chứng cứ nào thuộc trường hợp không được công khai theo quy định tại Điều 96 Luật tố tụng Hành chính (sau đây viết tắt là TTHC).

Người khởi kiện hoàn toàn thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do Người bị kiện cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại văn bản số 1389/UBND-TNMT ngày 04/10/2019 người đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Nguyễn Đức Đ trình bày:

Sau khi xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H trên cơ sở quy định của pháp luật UBND thành phố Đ có ý kiến như sau:

- Về thẩm quyền, trình tự thu hồi GCNQSDĐ đã cấp: UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định thu hồi GCNQSDĐ theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Về nội dung: Việc cấp GCNQSDĐ số AH 471797 với diện tích 375m² đất ở cho hộ gia đình ông Trần Minh Đ không phải nộp tiền sử dụng đất đã có Kết luận thanh tra số 1063/KL-UBND ngày 07/10/2016 của UBND thành phố Đ xác định: Việc UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Minh Đ với diện tích 375m² đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất là cấp không đúng mục đích sử dụng đất, thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và yêu cầu thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 do UBND thành phố cấp ngày 01/02/2007 để thực hiện cấp lại theo đúng quy định.

Sau khi UBND thành phố ban hành Kết luận thanh tra số 1063/KL-UBND ngày 07/10/2016, Tỉnh ủy đã có Kết luận số 18-KL/TU ngày 18/5/2017 kết luận: Việc UBND thành phố công nhận 375m² đất ở cho hộ gia đình ông Trần Minh Đ không phải nộp tiền sử dụng đất là vượt hạn mức công nhận đất ở. Để đảm bảo quyền lợi của công dân, Tỉnh ủy chỉ đạo UBND thành phố truy thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông Trần Minh Đ. Tuy nhiên, ông Trần Minh Đ không thực hiện. Do vậy, UBND thành phố ban hành Quyết định 1257 về việc thu hồi GCNQSDĐ để cấp lại GCNQSDĐ cho gia đình Ông Đ là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K (Nguyễn Trung K) có bản tự khai như sau:

Gia đình tôi có được chuyển nhượng đất cho gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H trú tại số nhà 77, phố 5 (nay tổ dân phố 17), phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào đầu năm 1993 với tổng diện tích là 400 m². Và xin cam đoan lời khai là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên Quyết định hành chính bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; việc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đầy đủ, khách quan; việc tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo hợp lệ, đúng thời hạn; Hội đồng xét xử đúng thành phần, điều khiển phiên tòa công khai, dân chủ, phát huy tính tranh tụng theo quy định của Luật

TTHC; Thư ký thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn theo quy định; các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật TTHC.

-Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi GCNQSDĐ để cấp lại GCNQSDĐ cho gia đình ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với người bị kiện là UBND thành phố Đ, tuy nhiên, đều vắng mặt có lý do (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Luật TTHC, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

Ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H khởi kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên yêu cầu hủy Quyết định số 1257 về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 cấp ngày 01/02/2007. Xác định đây là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ vào Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật TTHC, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là: TAND) tỉnh Điện Biên.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Sau khi ông Trần Minh Đ và Vũ Thị H nhận được Quyết định số 1257 của UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 cấp ngày 01/02/2007 cho Ông Đ, bà H. Không nhất trí với Quyết định số 1257 và cho rằng Quyết định số 1257 đã tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 13/8/2019 Ông Đ, bà H đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính đến TAND tỉnh Điện Biên. Như vậy, Ông Đ, bà H thực hiện việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật TTHC. Căn cứ vào mục 5 phần V của Giải đáp pháp luật số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của TAND Tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ. Hội đồng xét xử xem xét tất cả các quyết định có liên quan như: Thông báo số 08, Thông báo số 21/TB-UBND ngày 07/8/2018, Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND thành phố Đ.

[3]. Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện, đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính và quyết định có liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 1257, Thông báo số 08 và tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 1257, Thông báo số 08.

- Về hình thức của Quyết định số 1257: UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã căn cứ vào Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ vào Điều 106 Luật đất đai ngày 29/11/2013; Căn cứ vào Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; khoản 2 Điều 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai trên cơ sở đề nghị của phòng Tài Nguyên & Môi Trường thành phố Đ, UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 1257 để thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, UBND thành phố Đ còn căn cứ vào Kết luận số 18-KL/TU ngày 18/5/2017 của Tỉnh ủy Điện Biên về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng đất đai thuộc dự án đường 60m và dự án hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn thành phố Đ đối với Ban thường vụ Thành ủy Đ để làm một trong những căn cứ ban hành Quyết định số 1257 là chưa đúng về thể thức văn bản. Bởi vì, Kết luận số 18-KL/TU ngày 18/5/2017 của Tỉnh ủy Điện Biên là văn bản “**Mật**” của Đảng, không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên không phải là một trong những căn cứ để ban hành Quyết định hành chính số 1257 về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H.

- Về hình thức của Thông báo số 08: UBND thành phố Đ ra Thông báo số 08 về việc truy thu tiền sử dụng đất của hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H trên cơ sở kết luận số 18-KL/TU ngày 18/5/2017 của Tỉnh ủy Điện Biên và các Công văn số 328-CV/Th.U ngày 06/6/2017, Công văn số 450-CV/Th.U ngày 27/12/2017 và Công văn số 477-CV/Th.U ngày 20/01/2018 của Thành ủy Điện Biên Phủ là đúng quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1257 về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 và Thông báo số 08 về truy thu tiền sử dụng đất.

+ Về thẩm quyền ra Quyết định số 1257 và Thông báo số 08: UBND thành phố Đ ban hành quyết định đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013

+ Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1257 và Thông báo số 08: Trước khi ban hành Quyết Định số 1257, UBND thành phố Đ đã ra Thông báo số 08 và Thông báo số 21/TB-UBND ngày 07/8/2018 về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 đã cấp ngày 01/02/2007 cho gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định nhưng Ông Đ,

bà H không chấp hành. Cho nên, việc UBND thành phố Đ ra Quyết định số 1257 để thu hồi GCNQSDĐ để cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013 là đúng trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính.

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Thông báo số 21/TB-UBND ngày 07/8/2018, Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 cũng như nội dung của Thông báo và các Quyết định nêu trên đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

[3.1.2]. Xét tính hợp pháp về nội dung của Thông báo số 08 và Quyết định số 1257.

- Về nội dung của Thông báo số 08: Theo như Kết luận số 1063/KL-UBND ngày 07/10/2016 của UBND thành phố Đ về thanh tra việc chấp hành pháp luật trong việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H tại tổ dân phố 17, phường H, thành phố Đ thì xác định nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất làm nhà ở là sau ngày 15/10/1993 trên cơ sở đối chiếu với sổ mục kê, tờ bản đồ 290-đ-II lập năm 1994 ở ổn định đến nay. Cho nên, UBND thành phố Đ đã ban hành Thông báo số 08 để truy thu tiền sử dụng đất theo khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất thì hộ gia đình Ông Đ, bà H phải truy thu tiền sử dụng đất là 50% trong hạn mức và 100% vượt hạn mức với tổng số tiền phải nộp là 236.250.000đ.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do người khởi kiện cung cấp như: Giấy xác nhận của Chủ tịch UBND phường H, thành phố Đ ký ngày 15/8/2006 có nội dung như sau: “Sau khi xem xét lại hồ sơ địa chính của xã T1 và phường H, đồng thời, qua công tác quản lý biến động đất đai từ năm 1993 đến nay ông Trần Minh Đ mua đất của ông Nguyễn Trung K là 400m², gia đình sử dụng ổn định từ tháng 02/1993, không tranh chấp, hàng năm nộp thuế đầy đủ”; Giấy xác nhận gốc sử dụng đất trước tháng 10/1993 của các hộ gia đình hàng xóm như ông Nguyễn Trung K, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Đức N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Đình B và tổ trưởng tổ dân phố 17, phường H của ông Trương Xuân T đều thể hiện hộ gia đình Ông Đ, bà H mua đất của ông K vào đầu năm 1993; Danh sách chuyển thông tin địa chính đề nghị Chi cục thuế thành phố Đ xác định nghĩa vụ tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 66/2007/QĐ-UBND ngày 31/01/2007 do phòng Tài Nguyên & Môi Trường thành phố Đ ký ngày 05/01/2007 thì hộ gia đình ông Trần Minh Đ thời hạn sử dụng đất là trước năm 1990.

Tại khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai năm 2013 quy định về căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định như sau: Khoản

3 Điều 21 quy định: "*Trường hợp thời điểm sử dụng đất thể hiện trên các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định theo giấy tờ có ghi ngày tháng năm sử dụng đất sớm nhất*". Và tại khoản 4 Điều 21 quy định: "*Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của UBND cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất*". Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H sử dụng đất ở ổn định trước ngày 15/10/1993.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở đang sử dụng trong hạn mức công nhận đất ở là 100 m², còn đối với diện tích đất ở vượt hạn mức công nhận đất ở là 275m² thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất theo giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc UBND thành phố Đ áp dụng khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất để buộc hộ gia đình Ông Đ, bà H phải truy thu tiền sử dụng đất là 50% trong hạn mức và 100% vượt hạn mức với tổng số tiền phải nộp là 236.250.000đ là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H. Vì vậy, đề nghị UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xem xét, tính toán lại số tiền sử dụng đất của hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất. Đồng thời, áp dụng ý 2 điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai năm 2013 để xem xét công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống của hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H.

- Xét về nội dung của Quyết định số 1257: Đây là quyết định thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 ban hành trên cơ sở Thông báo số 08. Do số tiền truy thu nghĩa vụ tài chính tại Thông báo số 08 không phù hợp như phân tích ở trên, nên đã ảnh hưởng đến tính hợp pháp của Quyết định số 1257. Ngoài ra, lý do thu hồi GCNQSDĐ tại Quyết định số 1257 chưa chính xác, bởi vì, tại điểm d

khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 không quy định thu hồi GCNQSDĐ với lý do "*người sử dụng đất không nộp tiền sử dụng đất*".

Như vậy, để đảm bảo việc ban hành Quyết định hành chính có căn cứ, đúng pháp luật, hợp pháp về hình thức và nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 về việc thu hồi GCNQSDĐ số AH 471797 do UBND thành phố Đ cấp ngày 01/02/2007 cho hộ gia đình Ông Đ, bà H để UBND thành phố Đ ban hành Quyết định hành chính khác phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Đ, bà Vũ Thị H được chấp nhận, nên Ông Đ, bà H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2010/00024 ngày 03/9/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên. UBND thành phố Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 66, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 20, khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H: Hủy toàn bộ Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 471797 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/02/2007 đối với hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xem xét, tính toán lại việc truy thu tiền sử dụng đất mà hộ gia đình ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H phải nộp; đồng thời, ban hành Quyết định hành chính mới phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên bai số AA/2010/00024 ngày 03/9/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Minh Đ và bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2019). Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HSVA; Tổ HCTP-TAND tỉnh Điện Biên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Tiến Phương

